

Bản án số: 33/2021/HS-ST

Ngày: 26 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Tuấn.

2. Bà Hà Thị Dung.

Thư ký phiên toà: Ông Phan Khánh Tùng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:
Ông Nông Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 30/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Đức S, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 10/09/1991; Nơi đăng ký HKTT: Thôn ĐM, xã ĐT, huyện HH, tỉnh Bắc Giang; Chỗ ở: Tổ a, phường PDP, TP TN, tỉnh Thái Nguyên; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Họ và tên bố: Trần Ngọc T, Sinh năm 1969; Họ và tên mẹ: Hồ Thị N, Sinh năm 1954; Gia đình có 2 anh, em bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không.

- Tiền án: Năm 2012 bị Tòa án nhân dân Tối Cao xử phạt 18 tháng tù về tội: “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” và 06 tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 24 tháng tù. S đã chấp hành xong hình phạt và án phí năm 2014, chưa chấp hành phần bồi thường dân sự nên chưa được xóa án tích phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm.

- Nhân thân: Tại bản án số 92/2017/HS ngày 11/9/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” S đã chấp hành xong hình phạt năm 2018 nên được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nhữ Thị M, Văn phòng luật sư TH
– Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

Người chứng kiến:

1. Anh Phạm Công T1, Sinh năm 1976, (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ a, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Nguyễn Văn L, Sinh năm 1997, (vắng mặt).

Nơi cư trú: Xóm DB, xã BT, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 00 phút ngày 24/12/2020, Tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Nguyên kiểm tra nơi ở của Trần Đức S tại số nhà xyz, tổ a, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, khi kiểm tra có Trần Đức S và Nguyễn Văn L, Sinh năm 1997, HKTT: xóm DB, xã BT, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên đang ở nhà, Trần Đức S khai đang cất giấu ma túy tại nhiều khu vực trong ngôi nhà, kiểm tra phát hiện tại giường ngủ tầng một 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 04 nén màu vàng, 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa 88 viên nén màu xanh; 04 túi nilon màu trắng, bên trong có chất tinh thể màu trắng (niêm phong ký hiệu S). Tại hành lang tầng 2, nơi giá để dép thu giữ 01 túi nilon màu trắng chứa 13 viên nén màu vàng; 05 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng; 01 túi nilon màu hồng, bên trong chứa 113 viên nén màu hồng và 02 viên nén màu xanh (niêm phong ký hiệu L2). Tại phòng ngủ tầng 2, phát hiện trên giường ngủ 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng; 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa 5 viên nén màu vàng; 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa một mảnh viên nén màu vàng (niêm phong ký hiệu L). Ngoài ra S còn giao nộp 01 cân điện tử màu đen, nhãn hiệu POCKET SCALE; 30 túi nilon màu trắng chưa qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu vàng đã qua sử dụng. Kiểm tra Nguyễn Văn L không phát hiện thu giữ gì.

Cùng ngày khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Đức S thuê tại tổ a, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên không phát hiện thu giữ gì.

Tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng và lấy mẫu gửi giám định đối với số chất ma túy thu giữ của Trần Đức S kết quả:

Bì niêm phong ký hiệu S: Cân chất tinh thể màu trắng có khối lượng **2,737gam** lấy toàn bộ 2,737gam làm mẫu gửi giám định niêm phong ký hiệu S1; Cân 04 viên nén màu vàng có khối lượng **1,674gam**, lấy toàn bộ niêm phong ký hiệu S2 gửi giám định; Cân 88 viên nén màu xanh có khối lượng **30,833gam**, lấy 1,729gam làm mẫu gửi giám định niêm phong ký hiệu S3, còn lại lưu kho ký hiệu A.

Bì niêm phong ký hiệu L2: Cân 13 viên nén màu vàng có khối lượng **5,115gam** lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định niêm phong ký hiệu D; Cân toàn bộ chất tinh thể màu trắng có khối lượng **10,434gam**, lấy toàn bộ niêm phong ký hiệu D1 gửi giám định; Cân toàn bộ 113 viên nén màu hồng có khối

lượng **11,593gam** lấy toàn bộ niêm phong ký hiệu D2 gửi giám định; Cân 02 viên nén màu xanh có khối lượng **0,198gam**, lấy toàn bộ niêm phong ký hiệu D3 gửi giám định.

Bì niêm phong ký hiệu **L**: Cân toàn bộ chất tinh thể màu trắng có khối lượng **0,534gam**, lấy toàn bộ niêm phong ký hiệu B1 gửi giám định; Cân 05 viên nén màu vàng và 01 mảnh viên nén màu vàng có khối lượng **2,172gam**, lấy toàn bộ niêm phong ký hiệu B2 gửi giám định.

Tổng khối lượng ma túy các loại đã thu giữ của Trần Đức S là 63,62gam.

Tại Bản kết luận giám định chất ma túy số: 9400/C09-TT2 ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu B1 và S1 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine; Mẫu tinh thể màu trắng trong bì ký hiệu D1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; Mẫu các viên nén màu hồng trong bì ký hiệu D2 gửi giám định là ma túy loại, Methamphetamine; Mẫu các viên nén màu xanh trong bì ký hiệu D3 gửi giám định là ma túy loại, Methamphetamine; Mẫu các viên nén màu vàng trong các phong bì S2 và D gửi giám định là ma túy loại, MDMA; Mẫu các viên nén màu vàng trong bì ký hiệu B2 gửi giám định là ma túy loại, MDMA; Mẫu các viên nén màu xanh trong bì ký hiệu S3 gửi giám định là ma túy loại, MDMA.

Tại kết luận giám định chất ma túy số: 1325/C09-TT2 ngày 04 tháng 03 năm 2021 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Hàm lượng Methamphetamine, Ketamine trong mẫu ký hiệu D1 gửi giám định lần lượt là 6,1% và 77,9%. Căn cứ kết luận giám định số 9400/C09-TT2 ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Viện khoa học hình sự Bộ công an và kết quả hàm lượng Methamphetamine, Ketamine, trong mẫu ký hiệu D1, khối lượng Methamphetamine và Ketamine được tính quy đổi trong 10,434gam mẫu thu giữ ban đầu lần, lượt: 0,636gam và 8,128gam.

Mở kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE vỏ màu vàng thu giữ của Trần Đức S có dữ liệu liên quan đến việc mua bán ma túy của S.

Quá trình điều tra đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Khoảng 22 giờ ngày 23/12/2020 S đến khu vực ngã tư ĐQ, thuộc phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây S gặp 01 người nam giới (không rõ họ, tên đệm và địa chỉ) S mua của người nam giới số ma túy trên với giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sau khi mua được ma túy S đem về chỗ ở tại số nhà xyz, tổ a, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên chia ra thành nhiều gói nhỏ cất giấu nhiều chỗ trong nhà mục đích để bán kiếm lời, nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện bắt quả tang như nêu trên.

Diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản niêm phong đồ vật bị tạm giữ, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến.

Tại bản cáo trạng số 41/CT – VKS (P1), ngày 24/7/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Trần Đức S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phản luận tội tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Trần Đức S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự;

- Căn cứ điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Đức S từ 16 đến 17 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 7 đến 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

-Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 bì niêm phong số 1325/C09(TT2) còn nguyên vẹn bên trong chứa ma túy và vỏ bao gói; 01 bì niêm phong ký hiệu A còn nguyên vẹn bên ngoài ghi có 29,104 gam viên nén màu xanh; 01 cân điện tử màu đen, nhãn hiệu POCKET SCALE; 30 túi nilon màu trắng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, được niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu T.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo xác định việc truy tố đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng nhưng về hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là nặng, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã ăn năn hối cải. Đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cho bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt, bị cáo không có tài sản, không có thu nhập nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên và người bào chữa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Do hám lòi, ngày 23/12/2020 Trần Đức S đến khu vực phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên mua của người nam giới không rõ họ tên đệm, địa chỉ **63,62gam** (trong đó ma túy loại MDMA 39,794gam; ma túy loại Methamphetamine 12,427gam; ma túy loại Ketamine 11,399gam) với số tiền 10.000.000đ rồi đem về chỗ ở tại số nhà xyz, tổ a, phường PDP, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên cất giấu để bán nhưng chưa kịp bán thì bị tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an thành phố Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo Trần Đức S về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 251 Bộ luật hình sự:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a,...

h, Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

5 .Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, buộc bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không có tiền sự; có 01 tiền án, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, ngoài ra bị cáo có nhân xấu, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tái phạm.

[5]. Vật chứng vụ án: Sổ ma túy thu giữ của bị cáo được niêm phong theo đúng quy định; 01 chiếc cân điện tử màu đen nhãn hiệu POCKET SCALE; 30 túi nilon cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng thu giữ của bị cáo, quá trình điều tra xác định bị cáo sử dụng liên lạc mua bán ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận, vì vậy cần phải phạt bổ sung một khoản tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đức S phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Đức S 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2020. Phạt bổ sung bị cáo 7.000.000đ (bảy triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Trần Đức S 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 bì niêm phong số 1325/C09(TT2) còn nguyên vẹn bên trong chứa ma túy và vỏ bao gói, mặt sau có chữ ký của Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Minh Thắng, mặt sau có 06 dấu của Viện khoa học hình sự - Bộ công an.

+ 01 bì niêm phong ký hiệu A còn nguyên vẹn bên ngoài ghi có 29,104 gam viên nén màu xanh, mặt sau có chữ ký của Phạm Tuấn Anh, Hà Thị Thanh Huyền, Lương Văn Mạnh, Trần Đức S, Phạm Công T1, Trần Văn Hòe và 03 dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thái Nguyên.

+ 01 cân điện tử màu đen, nhãn hiệu POCKET SCALE;

+ 30 túi nilon màu trắng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, được niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu T.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 50, ngày 12 tháng 7 năm 2021 giữa Công an tỉnh Thái Nguyên với Cục THADS tỉnh Thái Nguyên).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo Trần Đức S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC, TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên; Tại tạm giam;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Minh Tuấn